

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế An Lão có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư y tế và sinh phẩm chẩn đoán invitro phục vụ hoạt động thường xuyên năm 2026 của Trung tâm Y tế An Lão với nội dung cụ thể như sau:

I. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế và sinh phẩm: (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)
2. Thời gian triển khai: Quý II - 2026
3. Các yêu cầu khác: Báo giá được thực hiện theo mẫu đính kèm, ký, đóng dấu người có thẩm quyền và đóng dấu giáp lai (trong trường hợp báo giá có nhiều trang) (Chi tiết theo mẫu báo giá đính kèm). **Trường hợp người có thẩm quyền uỷ quyền về việc ký báo giá thì Báo giá phải gửi kèm giấy uỷ quyền.**

II. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế An Lão
2. Thông tin liên hệ cần giải đáp các thắc mắc:
Bà: Nguyễn Thị Phương, Dược sỹ khoa Dược, Số điện thoại 036.872.4566
3. Cách thức tiếp nhận báo giá: (gửi 1 trong 2 cách sau)

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ : Khoa Dược- VTTBYT Trung tâm Y tế An Lão; Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, xã An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Nhận qua email : khoaduocbvdkal@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: từ 15h ngày 13 tháng 05 năm 2026 đến trước 15h ngày 23 tháng 05 năm 2026.

Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Website Trung tâm;
- Lưu: KD-VTTBYT.



Dương Đức Huân

CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: TRUNG TÂM Y TẾ AN LÃO

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế An Lão /TTYT-KD ngày .../.../..... đăng tải trên công thông tin điện tử của Trung tâm, chúng tôi Công ty ... (Địa chỉ:.....) báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

| STT | Tên thiết bị y tế ⁽²⁾ | Tên theo QĐ 5086/QĐ-BYT 04/11/2021 (nếu có) | Mã theo QĐ 5086/QĐ-BYT 04/11/2021 (nếu có) | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾ | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Mã HS ⁽⁴⁾ | Năm sản xuất ⁽⁵⁾ | Xuất xứ ⁽⁶⁾ | Quy cách | Đơn vị tính | Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾ | Đơn giá (VND) ⁽⁸⁾ | Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND) ⁽⁹⁾ | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND) ⁽¹⁰⁾ | Thành tiền (VND) ⁽¹¹⁾ |
|-----|----------------------------------|---|--|--|-------------------------------------|----------------------|-----------------------------|------------------------|----------|-------------|-------------------------------------|------------------------------|--|--|----------------------------------|
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế đúng theo yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

“Tên thương mại của thiết bị”: Là tên thương mại của thiết bị y tế được công khai trên cổng thông tin của Bộ y tế theo Nghị định 98.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của trang thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và các dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỉ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

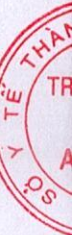
(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật uỷ quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp uỷ quyền, phải gửi kèm theo giấy uỷ quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia



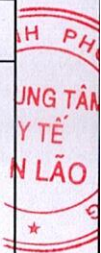
PHỤ LỤC I: DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ- SINH PHẨM Y TẾ

| STT | Tên chung | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|----------------------------|--|---|--------|----------|---------|
| Phần I: VẬT TƯ Y TẾ | | | | | |
| 1 | Băng cuộn xô 7cm x5m | Kích thước: 7cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độ | Cuộn | 800 | |
| 2 | Băng thun 3 móc | Nguyên liệu: sợi Polyester và sợi cao su. | Cuộn | 84 | |
| 3 | Bông hút | Bông y tế làm bằng 100% bông xơ tự nhiên có tính thấm hút tốt, mềm, không lẫn tạp chất. Đóng gói kín trong bao PE | Kg | 160 | |
| 4 | Chỉ phẫu thuật không tiêu số 10/0 | Số 10/0 ; 2 kim hình thang 1/2C, kim 6.2mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 30cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Sợi | 48 | |
| 5 | Chỉ phẫu thuật không tiêu số 5/0 | Số 5/0; kim tam giác 3/8C, kim 16mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Sợi | 36 | |
| 6 | Chỉ phẫu thuật không tiêu số 2/0 | Chỉ được làm từ sợi Nylon cao cấp, dài 75cm, kim tam giác, cong 3/8. chỉ 2/0 vòng kim 26mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Sợi | 48 | |
| 7 | Chỉ phẫu thuật không tiêu số 5/0 | Chỉ được làm từ sợi Nylon cao cấp dài 75cm, kim tam giác, cong 3/8. chỉ số 5/0 vòng kim 20mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Sợi | 144 | |
| 8 | Chỉ phẫu thuật không tiêu số 3/0 | Chỉ được làm từ sợi Nylon cao cấp, dài 75cm, kim tam giác, cong 3/8. chỉ 3/0 vòng kim 26mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Sợi | 240 | |
| 9 | Chỉ phẫu thuật không tiêu số 4/0 | Chỉ được làm từ sợi Nylon cao cấp, dài 75cm, kim tam giác, cong 3/8. chỉ số 4/0 vòng kim 20mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Sợi | 240 | |
| 10 | Băng keo lụa cuộn 2,5cm x 5m | Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide không dùng dung môi phủ đều, trọng lượng của khối phủ 50-60 g/m ² , lực dính 1,8-5,5 N/cm. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. Nguyên liệu các nước G7. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Cuộn | 1.152 | |
| 11 | Ống nghiệm Heparin | * Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml, nắp nhựa màu đen. * Bên trong chứa chất kháng đông Lithium Heparin, có vạch chỉ thể tích trên thân ống. * Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). * Dùng để tách huyết tương sử dụng trong các xét nghiệm Sinh hóa như: Ion đồ(Na ⁺ , K ⁺ , Ca ²⁺ , Cl ⁻ ... trừ Li ⁺), PH, khí máu, định lượng Alcohol trong máu. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016. CE, 2 CFS | Ống | 43.200 | |
| 12 | Ống nghiệm nhựa PS 5ml không nắp, không nhãn | Ống nghiệm nhựa PS 5ml không nắp, không nhãn*Kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), nhựa PS trắng trong, không nắp, không nhãn, dung tích tối đa 6 ml. * Độ pH trung tính, có độ trơn láng cao. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương | Ống | 10.800 | |



| | | | | | |
|----|-------------------------------------|--|------|---------|--|
| 13 | Kim châm cứu dùng 1 lần các cỡ | Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần được cuộn xoắn ốc đồng đều, bằng sợi thép y tế, có màu đồng nhất. Thân kim được làm từ thép không gỉ có khả năng chống gầy, chống ăn mòn, không có vết nứt, vết gầy hoặc tách thành các lớp. độ cứng của kim 450-650 HV (theo thang độ cứng Vicker), tương ứng với đường kính $0,3 < d < 0,5$. Đầu kim được mài sắc đánh bóng sắc nét và không có vết nhám, gờ, rìa, gai hoặc móc. Đầu kim không bị cong hoặc rạn nứt sau khi bị áp lực tác động và lực châm tiêu chuẩn. Áp lực chịu tác động của kim: 0,5N (đường kính $0,25 \leq d \leq 0,35$). Độ nhám bề mặt trung bình (giá trị Ra) < 0,63 μm . Kim được đóng gói vô trùng, đảm bảo vô khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Cái | 150.000 | |
| 14 | Giấy điện tim 3 cần | Dùng cho máy điện tim 3 cần có kích thước: 63mm x 30m. Đạt ISO 13485, CE. | Cuộn | 400 | |
| 15 | Chi phẫu thuật tự tiêu số 3/0 | Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Chi sẽ mất sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy, ghép và tự tiêu hoàn toàn trong 56 đến 71 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Sợi | 144 | |
| 16 | Chi phẫu thuật tự tiêu số 4/0 | Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 22mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Chi sẽ mất sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy, ghép và tự tiêu hoàn toàn trong 56 đến 71 ngày . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Sợi | 96 | |
| 17 | Dung dịch khử khuẩn mức độ cao | Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế, dụng cụ phẫu thuật, dụng cụ nội soi, dụng cụ y tế không chịu nhiệt - Thành phần: Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Có que thử - Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Tái sử dụng trong 14 ngày. Thời gian bảo quản trong can ≥ 75 ngày tính từ ngày mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích trên nhiều loại dụng cụ và vật liệu - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. Quy cách đóng gói ≥ 5 lít Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Can | 12 | |
| 18 | Ống nghiệm EDTA | * Ống nghiệm nhựa PP, kích thước $\text{O}13 \times 75$ (mm) hoặc $\text{O}12 \times 75$ (mm), dung tích tối đa 6 ml , nắp nhựa LPDE màu xanh dương. * Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào ổn định trong máu, chỉ có 1 vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. * Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). | Ống | 12.000 | |
| 19 | Chi không tiêu Polypropylene số 7/0 | Chi phẫu thuật không tiêu được làm bằng sợi Polypropylene , số 7/0, dài 60cm, 2 kim dài 11mm, 3/8 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Sợi | 24 | |

| | | | | | |
|----|---|---|-------|--------|--|
| 20 | Dây cho ăn các số (số 8 đến số 18) | Được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC y tế, có chiều dài 1.250 mm. Một đầu ống dây gắn phễu có nắp đậy (hoặc không có nắp đậy). Được tiệt trùng bằng khí E.O. Tiêu chuẩn ISO 13485 - 2003 hoặc tương đương | Cái | 40 | |
| 21 | Ống thông Betzer | Ống thông Được làm từ mù cao su tự nhiên, bao gồm ống thông, phễu thoát nước, phễu thổi, phễu rửa, bóng và van. Kích thước từ 12 Fr đến 40 Fr. Chiều dài ống: 400 ± 10 mm. Tốc độ dòng chảy ≥ 100 ml/phút với các số từ 16Fr. Sử dụng một lần, tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Cái | 10 | |
| 22 | Ống nội khí quản các số | Ống được làm từ nhựa PVC cao cấp trong Y tế, không độc hại, mềm và trong suốt có đường cong thích hợp, trong suốt, mềm mại, có bóng hoặc không bóng. Được bảo quản riêng trong từng túi được khử trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Cái | 150 | |
| 23 | Ống nghiệm nhựa PS 5ml không nắp, không nắp | *Kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), nhựa PS trắng trong, không nắp, không nhãn, dung tích tối đa 6 ml. * Độ pH trung tính, có độ trơn láng cao. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016. | Ống | 10.000 | |
| 24 | Nước Gia ven | Thành phần: Sodium Hypochlorid, Sodium Hydroxide, nước và các phụ liệu, Dung dịch trong, màu vàng Đóng gói: Can tối thiểu 20 lít | Lít | 2.000 | |
| 25 | Phim X-quang nha khoa rửa nhanh | Phim x-quang dùng trong nha khoa, có dính kèm túi thuốc rửa phim trên mỗi phim Kích thước phim: 30.5 x 40.5mm | Hộp | 8 | |
| 26 | Bơm tiêm dùng một lần 5ml | Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml; cỡ kim 23G; 25G, đầu kim vát 3 cạnh có nắp đậy. Pit tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không chứa độc tố DEHP. Đốc kim có máu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 | Cái | 20.000 | |
| 27 | Clip Polymer kẹp mạch máu các cỡ | Dụng cụ Kẹp mạch máu các cỡ: L,ML,XL, Nguyên liệu: Polymer; Có khóa. Đóng nhanh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Cái | 24 | |
| 28 | Gạc phẫu thuật không dệt (7,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng) | Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Được đóng gói kín có tiệt khuẩn khí EO Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Miếng | 600 | |
| 29 | Nước cất 2 lần | Nước cất 2 lần Đóng gói dung tích tối đa 10 lít/can | Lít | 200 | |
| 30 | Túi camera vô trùng | Thành phần gồm 1. Ống nylon 18 x 230 cm - Dây buộc 2 ly 2 x60 cm 2. Túi nylon 9 x 14 cm - Dây buộc 2 ly 2 x 30cm Được sản xuất từ nylon Pe, có độ trong ,bề mặt mềm mịn có độ dẻo dai. Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Tiệt trùng bằng khí EO Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương | Cái | 100 | |



| | | | | | |
|--------------------------------|------------------------------------|--|------|--------|--|
| 31 | Dây hút dịch Silicon | Dây hút dịch được dùng trong phẫu thuật, giúp dẫn dịch ra ngoài. Đã được tiệt khuẩn, Chất liệu silicon, dài 3,6m. Có ống nối 2 đầu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Cái | 5 | |
| 32 | Găng hộ lý | Găng tay cao su gia dụng. Thành phần chủ yếu là cao su Latex. Size M, L, XL. Độ dài 380 mm. | Đôi | 1.000 | |
| 33 | Đầu côn vàng | Đầu côn màu vàng, có thể tích 200 μ l. Chất liệu bằng nhựa PP, có thể khử trùng được. | Cái | 10.000 | |
| 34 | Gel siêu âm | Gel bôi trơn gốc nước được dùng trong siêu âm chẩn đoán y khoa. Dẫn âm cao, tan trong nước, không mùi. Không gây kích ứng da, không chứa formaldehyde. Quy cách đóng gói: Can \geq 5 lít | Can | 12 | |
| 35 | Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 3/0 | Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bao phủ bởi polyglactin và Calcium stearat, số 3/0, dài tối thiểu \geq 75cm, kim tròn. Kim bao phủ Silicone, dài \geq 26mm, độ cong của kim 1/2 đường tròn. | Sợi | 120 | |
| 36 | Giấy in kết quả dùng trong siêu âm | Kích cỡ 110 mm x 20 m. Sử dụng cho máy in Sony và Mitubishi. | Cuộn | 200 | |
| 37 | Nhiệt kế thủy ngân | Nhiệt kế thủy ngân 42 độ. 12 cái / hộp | Cái | 12 | |
| 38 | Men vi sinh | DW97H là tổ hợp hàng tỷ vi sinh vật thuộc về các nhóm vi khuẩn, nấm sợi, nấm men, xạ khuẩn đã qua phân lập và tuyển chọn kỹ lưỡng có vai trò hiệp đồng tác dụng phân hủy mạnh mẽ các chất hữu cơ thành các chất vô cơ vô hại như H ₂ O và CO ₂ . Bên cạnh đó chúng còn đối kháng mạnh mẽ với các vi trùng gây bệnh, làm cho các vi trùng gây bệnh không thể tồn tại lâu dài và phát triển được trong môi trường nước. Ngoài ra sự có mặt của DW97H trong hệ thống xử lý nước thải hiếu khí còn làm tăng sự tạo bông và kết lắng của bùn hoạt tính, tăng mật độ vi sinh vật hữu ích trên các màng đệm sinh học, giúp tăng cường hiệu quả của các hệ thống xử lý nước thải nói chung và nước thải bệnh viện nói riêng. | Gói | 70 | |
| 39 | Chlorin | Là hóa chất khử khuẩn dạng viên nén. Khối lượng \leq 200g/viên. | Kg | 90 | |
| 40 | Hộp hấp | Hộp làm bằng inox không gỉ. Đường kính 360 mm. Có khóa chốt và tay xách. | Cái | 1 | |
| 41 | Quả bóp cao su | Làm bằng cao su latex có màu đỏ, độ đàn hồi cao. | Quả | 5 | |
| Phần II: SINH PHẨM Y TẾ | | | | | |
| 1 | Hóa chất xét nghiệm AS Latex | Độ nhạy: thuốc thử được thiết kế để ngưng kết với sự có mặt của các mức độ anti-SLO cao hơn 200 \pm 50 UI/ml IU/ml. Độ đặc hiệu: sự tương quan của kết quả với phương pháp chuẩn độ của Rantz và Randall là 100% đối với các chất chuẩn độ thấp hơn 166 IU/ml hoặc cao hơn 250 IU/ml. Titters giữa các cấp độ này có thể cho kết quả đáng ngờ. Không có hiện tượng prozone đối với hiệu giá \leq 1100 IU/ml. Hộp \geq 100 test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Hộp | 2 | |
| 2 | Anti A | - Lọ dung dịch kháng thể đơn dòng A được pha loãng trong một bộ đệm phosphate có chứa natri clorua, EDTA và albumin bò, dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Hiệu giá kháng thể 1:512 - Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100% - Bảo quản ở 2-8oC - Đóng gói \geq 10 ml / Lọ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Lọ | 20 | |

| | | | | | |
|---|---|--|------|-------|--|
| 3 | Anti AB | Lọ dung dịch kháng thể đơn dòng AB được pha loãng trong một bộ đệm phosphate có chứa natri clorua, EDTA và albumin bò, dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Hiệu giá kháng thể 1:512 - Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100% - Bảo quản ở 2-8oC - Đóng gói ≥ 10 ml / Lọ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Lọ | 20 | |
| 4 | Anti B | - Lọ dung dịch kháng thể đơn dòng B được pha loãng trong một bộ đệm phosphate có chứa natri clorua, EDTA và albumin bò, dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Hiệu giá kháng thể 1:512 - Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100% - Bảo quản ở 2-8oC - Đóng gói ≥ 10 ml / Lọ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Lọ | 20 | |
| 5 | Quo-lab A1c Test Kit | Định lượng HbA1c trong máu người. - Thành phần: + Buffer: Ammonium Chloride: 0.54%, Sodium, Deoxycholate Monohydrate: 0.40%, Sodium Azide: Appropriate amount, Water: Appropriate amount. + Conjugate: Boronate conjugate: 11µg - Tương thích trên máy Quo-Lab A1c - Quy cách: Hộp ≥ 50 test - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. | Test | 1.700 | |
| 6 | Test phát hiện kháng thể HIV-1 và HIV-2 | Độ nhạy 100% , độ đặc hiệu ≥ 99,75%. Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Hàm lượng chính: Antibody Anti HIV-1, Antibody Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen (pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen (PjC100)HIV-2, Antigen (pOM10/PV361) HIV-1, Antigen (pTB319/XL-1)HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Test | 200 | |
| 7 | Kit thử nhanh phát hiện kháng thể kháng virus HIV 1&2 | Phát hiện và phân biệt các kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu ≥ 99,8%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 | Test | 200 | |
| 8 | Test phát hiện nhanh H.Pylori test | Được dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Test | 400 | |
| 9 | Test HIV | Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy ≥ 99,47% ; Độ đặc hiệu ≥99,87% - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. - Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab. - Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của viện VSDTTW Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Test | 50 | |

HÀ PHỒN

| | | | | | |
|----|---|--|------|-------|--|
| 10 | Que thử định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người | Dụng cụ phát hiện thai sớm dùng để thử nghiệm nhanh, phát hiện sự có mặt của hormone nội tiết tố thai nghén (HCG) có trong nước tiểu Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Test | 500 | |
| 11 | Anti D | - Lọ dung dịch kháng thể đơn dòng D được pha loãng trong một bộ đệm phosphate có chứa natri clorua, EDTA và albumin bò, dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Hiệu giá kháng thể 1:512 - Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100% - Bảo quản ở 2-8oC - Đóng gói ≥ 10 ml / Lọ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Lọ | 5 | |
| 12 | Test phát hiện 4 chất gây nghiện (MOP, AMP, MET, THC) | Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu (Morphine + Amphetamin + Methamphetamin + THC). Độ nhạy 100%. Độ đặc hiệu 100%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương | Test | 1.000 | |

